

A. Hoạt động cơ bản bài 37 Toán lớp 4 VNEN

1. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

a. Tính giá trị hai biểu thức:

$$3 \times (4 + 5)$$

$$3 \times 4 + 3 \times 5$$

b. So sánh hai giá trị biểu thức trên?

Trả lời:

a. Tính giá trị biểu thức:

$$3 \times (4 + 5) = 3 \times 9 = 27$$

$$3 \times 4 + 3 \times 5 = 12 + 15 = 27$$

b. Từ kết quả câu a ta thấy, giá trị của hai biểu thức trên bằng nhau và bằng 27.

2. Đọc kĩ nội dung sau: (sgk trang 91)

Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả với nhau

$$a \times (b+c) = a \times b + a \times c$$

3. Tính giá trị biểu thức (theo mẫu) rồi so sánh giá trị các biểu thức trong bảng trên

Trả lời:

a	b	c	$a \times (b+c)$	$a \times b + a \times c$
---	---	---	------------------	---------------------------

3	4	2	$3 \times (4+2) = 18$	$3 \times 4 + 3 \times 2 = 18$
2	3	4	$2 \times (3 + 4) = 14$	$2 \times 3 + 2 \times 4 = 13$
7	4	6	$7 \times (4 + 6) = 70$	$7 \times 4 + 7 \times 6 = 70$

=> Giá trị của các biểu thức trong bảng trên bằng nhau: $a \times (b+c) = a \times b + a \times c$

4. Em và bạn cùng tính giá trị hai biểu thức: $3 \times (6 - 4)$ và $3 \times 6 - 3 \times 4$. Em và bạn so sánh giá trị hai biểu thức trên

Trả lời:

Tính giá trị biểu thức: $3 \times (6 - 4) = 6$ và $3 \times 6 - 3 \times 4 = 6$

=> Giá trị của hai biểu thức trên bằng nhau.

5. Đọc kĩ nội dung (sgk)

Khi nhân một số với một hiệu, ta có thể nhân số đó với số bị trừ và số trừ rồi trừ hai kết quả cho nhau

$$a \times (b-c) = a \times b - a \times c$$

6. Tính giá trị biểu thức và so sánh giá trị các biểu thức trong bảng trên.

Trả lời:

a	b	c	$a \times (b - c)$	$a \times b - a \times c$
3	5	2	$3 \times (5-2) = 9$	$3 \times 5 - 3 \times 2 = 9$
2	9	3	$2 \times (9-3) = 12$	$2 \times 9 - 2 \times 3 = 12$

5	7	4	$5 \times (7-4) = 15$	$5 \times 7 - 5 \times 4 = 15$
---	---	---	-----------------------	--------------------------------

=>Giá trị của các biểu thức bằng nhau: $a \times (b-c) = a \times b - a \times c$

B. Hoạt động thực hành bài 37 Toán lớp 4 VNEN

Câu 1 trang 92 sách VNEN toán 4

Tính bằng hai cách: $28 \times (6+4)$; $306 \times (3+5)$

Tính bằng hai cách theo mẫu:

$$6 \times 42 + 6 \times 58$$

$$146 \times 7 + 146 \times 3$$

Đáp án và hướng dẫn giải

a.

$$C1: 28 \times (6+4) = 28 \times 10 = 280$$

$$C2: 28 \times (6+4) = 28 \times 6 + 28 \times 4 = 168 + 112 = 280$$

$$C1: 306 \times (3+5) = 306 \times 8 = 2448$$

$$C2: 306 \times (3+5) = 306 \times 3 + 306 \times 5 = 918 + 1530 = 2448$$

b.

$$C1: 6 \times 42 + 6 \times 58 = 252 + 348 = 600$$

$$C2: 6 \times 42 + 6 \times 58 = 6 \times (42 + 58) = 6 \times 100 = 600$$

$$C1: 146 \times 7 + 146 \times 3 = 1022 + 438 = 1460$$

$$C2: 146 \times 7 + 146 \times 3 = 146 \times (7 + 3) = 146 \times 10 = 1460$$

Câu 2 trang 92 sách VNEN toán 4

a. Tính và so sánh hai giá trị biểu thức:

$$(4+5) \times 3 \quad 4 \times 3 + 5 \times 3$$

b. Nêu cách nhân một tổng với một số

Đáp án và hướng dẫn giải

a. Tính:

- $(4+5) \times 3 = 9 \times 3 = 27$
- $4 \times 3 + 5 \times 3 = 12 + 15 = 27$

=> Giá trị của hai biểu thức bằng nhau

b. Cách nhân một tổng với một số: Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả với nhau

$$a \times (b+c) = a \times b + a \times c$$

Câu 3 trang 92 sách VNEN toán 4

a. Tính và so sánh hai giá trị biểu thức:

$$(6-4) \times 3$$

$$6 \times 3 - 4 \times 3$$

b. Nêu cách nhân một hiệu với một số

Đáp án và hướng dẫn giải

a. Tính:

- $(6-4) \times 3 = 2 \times 3 = 6$
- $6 \times 3 - 4 \times 3 = 18 - 12 = 6$

=> Giá trị của hai biểu thức bằng nhau

b. Cách nhân một hiệu với một số: Khi nhân một số với một hiệu, ta có thể nhân số đó với số bị trừ và số trừ rồi trừ hai kết quả cho nhau

$$a \times (b-c) = a \times b - a \times c$$

Câu 4 trang 92 sách VNEN toán 4

Áp dụng tính chất nhân một số với một tổng hoặc nhân một số với một hiệu để tính:

a. 34×11

b. 47×101

c. 142×9

d. 38×99

Đáp án và hướng dẫn giải

a. 34×11 b. 47×101

$$34 \times 11 = 34 \times (10 + 1) \quad 47 \times 101 = 47 \times (100 + 1)$$

$$= 34 \times 10 + 34 \times 1 = 47 \times 100 + 47 \times 1$$

$$= 340 + 34 = 374 = 4700 + 47 = 4747$$

c. 142×9 d. 38×99

$$142 \times 9 = 142 \times (10 - 1) \quad 38 \times 99 = 38 \times (100 - 1)$$

$$= 142 \times 10 - 142 \times 1 = 38 \times 100 - 38 \times 1$$

$$= 1420 - 142 = 1278 = 3800 - 38 = 3762$$

Câu 5 trang 93 sách VNEN toán 4

Giải bài toán: Một cửa hàng có 50 thùng vở, mỗi thùng đựng 125 quyển. Cửa hàng đã bán hết 20 thùng vở. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu quyển vở?

Đáp án và hướng dẫn giải**Cách 1:**

Cửa hàng có tổng số quyển vở là:

$$50 \times 125 = 6250 \text{ (quyển vở)}$$

Cửa hàng đã bán đi số quyển vở là:

$$20 \times 125 = 2500 \text{ (quyển vở)}$$

Vậy số trứng còn lại ở cửa hàng là:

$$6250 - 2500 = 3750 \text{ (quyển vở)}$$

Đáp số: 3750 quyển vở

Cách 2:

Số quyển vở còn lại ở cửa hàng là:

$$125 \times (50 - 20) = 3750 \text{ (quyển vở)}$$

Đáp số: 3750 quyển vở

C. Hoạt động ứng dụng bài 37 Toán lớp 4 VNEN**Câu 1 trang 93 sách VNEN toán 4**

Em cùng người lớn tính bằng nhiều cách, xem cách nào nhanh nhất?

$$15 \times 99 = ?$$

Đáp án và hướng dẫn giải

$$C1: 15 \times 99 = (10 + 5) \times 99 = 10 \times 99 + 5 \times 99 = 990 + 495 = 1485$$

$$C2: 15 \times 99 = 15 \times (100 - 1) = 15 \times 100 - 15 \times 1 = 1500 - 15 = 1485$$

=> Cách tính thứ 2 nhanh hơn cách tính thứ nhất.